

Số: 1298./TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký dự thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II)

Căn cứ Công văn số 4657/BCT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II);

Căn cứ Công văn số 2615/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BGDĐT ngày 12/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập,

Nhà trường thông báo tới các đơn vị những nội dung sau:

1. Đối tượng dự thi

Các viên chức giữ ngạch giảng viên (hạng III) mã số V07.01.03 đang làm công tác giảng dạy tại trường Đại học Điện lực.

2. Điều kiện dự thi

a) Nhà trường có nhu cầu đối với từng vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp.

b) Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V07.01.03 và được Trường Đại học Điện lực cử đi dự thi (xét).

c) Viên chức dự thi phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh



giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 năm.

d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi (xét), có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật theo quy định của pháp luật.

e) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

f) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

g) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)

h) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

i) Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

j) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

k) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

l) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố.

3. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ và tin học

a) Miễn thi ngoại ngữ

Viên chức được miễn thi ngoại ngữ trong các trường hợp sau đây:

- Tốt nghiệp đại học, sau đại học tại nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ bản có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên.

Các chứng chỉ ngoại ngữ này còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính thời điểm cử dự thi.

- Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại khoản 2 Điều này phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

b) Miễn thi tin học

Viên chức được miễn thi tin học nếu đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

4. Nội dung, hình thức thi (xét)

- Nội dung, hình thức thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21/7/2017 quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

- Nội dung, hình thức xét: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BGDĐT ngày 12/3/2018 quy định điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

5. Tổ chức thực hiện

Hồ sơ đăng ký dự thi (xét), hình thức thi hoặc xét và thời gian thi (xét) chi tiết Nhà trường sẽ thông báo tới các viên chức khi có công văn hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

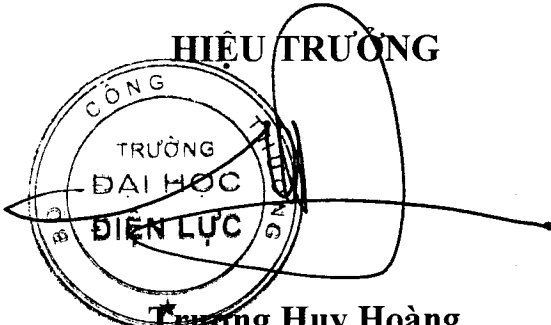
Viên chức đăng ký dự thi chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có nghĩa vụ cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

Trưởng các đơn vị lập danh sách viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Mẫu số 1 đính kèm Thông báo này và nộp về phòng Tổ chức cán bộ (đồng chí Phạm Minh Phúc) chậm nhất là ngày 25 tháng 9 năm 2019. *M*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



Trưởng Huy Hoàng

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho GV	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Ngoại ngữ	Tin học		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Văn A	04/05/1974		Giảng viên	9 năm	3,33	V07.01.03	TS ngành QLNL	ĐH Giáo dục cấp ngày 05/11/2018	ĐH Giáo dục cấp ngày 29/5/2019	ƯD CNTT cơ bản do ĐH Sư phạm cấp ngày 25/11/2018		x (nộp kèm bảng kê theo Mẫu số 2)		x	tiếng Anh	
2	Trần Thị B		12/11/1972	Giảng viên	10 năm	3,33	V07.01.03	ThS ngành KTD	ĐH Giáo dục cấp ngày 14/7/2018	ĐH Sư phạm cấp ngày 7/5/2019	ƯD CNTT cơ bản do ĐH Sư phạm cấp ngày 14/8/2019	Chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 do trường ĐH Sư phạm cấp ngày 20/5/2018	x (nộp kèm bảng kê theo Mẫu số 2)	x	x		

Danh sách này có: người

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Đề nghị các đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file excel với font chữ Times New Roman qua địa chỉ email: phucpm@epu.edu.vn
- Kỳ thi thăng hạng CDNN năm 2019, các thí sinh phải có đủ các văn bằng, chứng chỉ ghi tại cột 9, 10, 11
- Các viên chức nộp kèm bảng kê các công trình Nghiên cứu khoa học theo mẫu số 2

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Họ và tên người kê khai:

Đơn vị công tác:

I. CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ THAM GIA

Stt	Tên đề tài	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Cấp đề tài (nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia	Kết quả
1	2016-2019	Cấp trường	Chủ nhiệm	
2					
3					

II. CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

Stt	Tên bài báo	Tên tạp chí đăng bài	Năm công bố	Trách nhiệm tham gia

III. CÁC SÁCH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO ĐÃ XUẤT BẢN

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Giáo trình		2016-2019		Chủ biên
2						
3						

NGƯỜI KÊ KHAI

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trương Huy Hoàng